

Sách Giô-ên và Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy La-ô-đi-xê - Số Bốn Mười Bốn

Jeff Pippenger

2026-02-10

Số Bốn Mười Bốn

Năm 1844, tín lý về ngày Sa-bát thứ bảy đã được mở án, rồi được nhân mạnh cho Bà White khi bà nhìn vào Hòm Bia Giao Ước. Bà cũng ghi lại rằng trong thời kỳ sau rốt, tín lý về sự Nhập Thể có cùng một sự nhân mạnh từ trời. Ngày Sa-bát thứ bảy tượng trưng cho ánh sáng đặc biệt từ Hòm Bia khi Ngày Lễ Chuộc Tội phản hình bắt đầu, còn năm Sa-bát tượng trưng cho ánh sáng đặc biệt từ Hòm Bia khi Ngày Lễ Chuộc Tội phản hình được hoàn tất.

Học thuyết về sự nhập thể được tiêu biểu trong kỳ nhóm họp thánh sau cùng của Lê-vi Ký chương hai mươi ba; nó là Ômêga đối với ngày Sa-bát thứ bảy, vốn là kỳ nhóm họp thánh thứ nhất ở phần đầu của Lê-vi Ký chương hai mươi ba. Ngày Sa-bát thứ nhất ấy biểu thị quyền năng sáng tạo của Đức Chúa Trời, còn ngày Sa-bát sau cùng biểu thị quyền năng tái tạo của Ngài. Ngày Sa-bát thứ nhất ấy được biểu trưng bởi con số "23", và ngày sau cùng bởi con số "252".

Hai biểu tượng ấy là hai điểm đầu-cuối của Lê-vi Ký đoạn hai mươi ba, và cũng là hai điểm đầu-cuối của lịch sử Millerite. Năm 1798 là sự ứng nghiệm của kỳ hạn 2.520 năm chống lại vương quốc miền Bắc của Y-sơ-ra-ên, và kỳ hạn 2.300 năm đã được ứng nghiệm vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Khi Bà White được dẫn vào đền thánh và chiêm ngưỡng Mười Điều Răn, bà làm hình bóng cho dân sự của Đức Chúa Trời trong thời kỳ cuối cùng, những người theo Đấng Christ vào Nơi Chí Thánh khi Ngài đang hoàn tất công tác chuộc tội của Ngài. Sự thử thách về đền thờ là sự thử thách của việc theo Chiên Con bất cứ Ngài đi đến đâu.

Ấy là những người không bị ô uế bởi phụ nữ; vì họ là những người đồng trinh. Ấy là những người theo Chiên Con; hễ Ngài đi đâu thì họ theo đó. Họ đã được chuộc từ giữa loài người, là trái đầu mùa dâng cho Đức Chúa Trời và cho Chiên Con. Khải Huyền 14:4.

Bà White, với tư cách là một nữ tiên tri, đã minh họa về những người trung tín buổi ban đầu, là những người bởi đức tin đã vào Nơi Chí Thánh; và khi làm như vậy, bà đưa ra một mẫu gương cho những người trung tín ở thời kỳ cuối cùng, là những người cũng bởi đức tin bước vào Nơi Chí Thánh rồi chiêm ngưỡng Hòm Bia Giao Ước. Điều được soi sáng cho họ thấy tại đó là tín lý về sự nhập thể, tức sự hoàn tất của công cuộc nên-một. Họ thấy hai chê-ru-bim che phủ tượng trưng cho hai ngày Sa-bát của sự sáng tạo và tái sáng tạo. Họ thấy số 252 ở một phía của Hòm Bia và số 23 ở phía kia, và nhận biết rằng, phù hợp với sự sáng tạo và tái sáng tạo, 23 tượng trưng cho sự hôn phối giữa Thần Tính và nhân tính, còn 252 là biểu tượng của sự biến đổi của con người thành một con người được kết hiệp với Thần Tính.

Nấp thi ân vốn không được phép nhắc ra, nên việc Bà White được nhìn vào bên trong là một sự mặc khải đặc biệt; và, về phương diện tiên tri, minh họa ấy dành cho những ngày sau rốt nhiều hơn là cho thời đại bà đang sống. Bởi chiêm ngưỡng, chúng ta được biến hóa. Phép thử về đền thờ là

việc Đấng Christ dẫn dắt dân đồng trinh của Ngài vào trong đền thờ của Ngài, từng bước một. Các lễ thật tiên tri tượng trưng cho những bước dọc theo con đường được soi sáng bởi sứ điệp Tiếng Kêu Nửa Đêm.

Đền thờ bốn mươi sáu năm của phong trào Millerite là một bước.

Đền thờ con người của '23', (nam và nữ, Ngài đã dựng nên họ) là một bước.

Việc Đức Kitô dựng lại đền thờ của Người trong ba ngày là một bước.

Kho lăm là đền thờ trong Ma-la-chi.

Nêhêmi đã thanh tẩy phòng kho khỏi sự mạo phạm của Tôbia.

Đền thờ ấy là nơi thượng tế Hilkiah đã tìm thấy những trước tác của Moses trong cuộc phục hưng đời vua Josiah.

Đền thờ mà Nê-hê-mi đã thanh tẩy khỏi sự ô uế chính là đền thờ mà Đấng Christ đã hai lần thanh tẩy khỏi “sự ô uế phạm thánh”, như Bà White khẳng định.

Chiếc tráp trong giấc mơ của Miller là một bước.

Khi Đấng Christ đã dẫn những người trung tín của Ngài vào Nơi Chí Thánh, Ngài dẫn họ—như được Bà White đại diện—đến Hòm Giao Ước, nâng nắp thi ân lên và cho họ nhìn vào bên trong. Khi họ nhìn vào bên trong, họ thấy cả giáo lý về sự nhập thể lần Sa-bát ngày thứ bảy đều được khoác một vàng sáng dịu nhẹ. Dòng trên dòng, những ai nhận biết các giáo lý được “khao khát một vàng sáng dịu nhẹ” thì hiệp cùng Bà White, bởi đức tin, bước vào Nơi Chí Thánh và nhìn vào trong Hòm Giao Ước.

Các tiên tri thời cổ nói một cách cụ thể về những ngày sau rốt còn hơn về thời đại mà họ đang sống. Khi chính các tiên tri xưa ấy trở thành một phần của lời chứng, họ đại diện cho dân của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt, và dân của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt là một trăm bốn mươi bốn nghìn. Bà White có lẽ là vị tiên tri xưa quan trọng nhất, vì mọi minh họa của bà đều trình bày lịch sử alpha của lịch sử omega của một trăm bốn mươi bốn nghìn. Tất cả các tiên tri đều phác họa dân sót lại, nhưng Bà White cũng đại diện cho một lịch sử khởi đầu được ứng nghiệm trong lịch sử kết cuộc, đến từng chữ.

Trong lịch sử nền tảng Alpha, Bà White, trong một khái tượng, được đưa vào Nơi Chí Thánh của đền thánh trên trời. Tại đó, nắp thi ân trên Hòm Giao Ước, một nắp vốn không được phép dời đi, được nhắc lên để Bà White có thể nhìn vào bên trong, nơi bà thấy Mười Điều Răn.

"Trong nơi chí thánh tôi thấy một hòm bia; trên nắp và các mặt bên của nó là vàng ròng tinh khiết. Ở mỗi đầu hòm bia có một ché-ru-bin đẹp đẽ, với đôi cánh xò ra che phủ bên trên. Mặt chúng quay vào nhau và nhìn xuống. Giữa các thiên sứ có một lư hương bằng vàng. Phía trên hòm bia, nơi các thiên sứ đứng, có một vinh quang cực kỳ sáng chói, trông như một ngai nơi Đức Chúa Trời ngự. Đức Chúa Jêsus đứng bên hòm bia, và khi lời cầu nguyện của các thánh đồ dâng lên Ngài, hương trong lư bốc khói, và Ngài dâng những lời cầu nguyện của họ cùng với làn khói hương lên Cha Ngài. Trong hòm bia có bình vàng đựng ma-na, cây gậy của A-rôn

đã trở bông, và các bảng đá gập lại như một quyển sách. Đức Chúa Jêsus mở chúng ra, và tôi thấy Mười Điều Răn được viết trên đó bằng ngón tay của Đức Chúa Trời. Trên một bảng có bốn điều, và trên bảng kia có sáu điều. Bốn điều trên bảng thứ nhất sáng hơn sáu điều kia. Nhưng điều thứ tư, điều răn về ngày Sa-bát, sáng chói hơn hết thảy; vì ngày Sa-bát được biệt riêng ra để được giữ nhằm tôn kính danh thánh của Đức Chúa Trời. Ngày Sa-bát thánh trông vinh hiển - một vàng hào quang vinh hiển bao quanh nó. Tôi thấy rằng điều răn về ngày Sa-bát không bị đóng đinh vào thập tự giá. Nếu như thế, thì chín điều răn còn lại cũng vậy; và như vậy chúng ta được phép phạm tất cả, cũng như phạm điều thứ tư. Tôi thấy rằng Đức Chúa Trời không thay đổi ngày Sa-bát, vì Ngài chẳng hề thay đổi. Nhưng giáo hoàng đã đổi nó từ ngày thứ bảy sang ngày thứ nhất trong tuần; vì ông ta sẽ đổi thay thời kỳ và luật pháp." Những Bài Viết Sớm, 32.

Giáo lý về ngày Sa-bát thứ bảy là giáo lý Anpha của giai đoạn lịch sử nền tảng của phong trào Miller, phong trào này khởi đầu như phong trào Miller mang đặc trưng Phi-la-đen-phi, rồi chuyển hóa thành phong trào Miller mang đặc trưng La-ô-đi-xê vào năm 1856, và tiếp đó thành Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm An Thất Nhật mang đặc trưng La-ô-đi-xê vào năm 1863. Bà White cũng xác định giáo lý Ômêga trong lịch sử những ngày sau rốt, khi phong trào La-ô-đi-xê của một trăm bốn mươi bốn nghìn chuyển hóa thành phong trào Phi-la-đen-phi của một trăm bốn mươi bốn nghìn. Ánh sáng Anpha và Ômêga được biểu thị bởi giáo lý về ngày Sa-bát thứ bảy và giáo lý về sự nhập thể.

“Những ai thông công với Đức Chúa Trời bước đi trong ánh sáng của Mặt Trời Công Chính. Họ không làm ô danh Đấng Cứu Chuộc mình bằng cách làm bại hoại đường lối mình trước mặt Đức Chúa Trời. Ánh sáng thiên thượng chiếu rọi trên họ. Khi họ đến gần lúc kết thúc lịch sử của trái đất này, sự hiểu biết của họ về Đấng Christ và về những lời tiên tri liên quan đến Ngài gia tăng rất nhiều. Trong mắt Đức Chúa Trời, họ vô giá; vì họ hiệp một với Con Ngài. Đối với họ, Lời Đức Chúa Trời thật đẹp đẽ tuyệt vời và đáng yêu. Họ thấy được tầm quan trọng của Lời ấy. Lẽ thật được mở bày cho họ. Tín lý về sự nhập thể được nhuốm một ánh sáng dịu êm. Họ thấy rằng Kinh Thánh là chìa khóa mở ra mọi điều mâu nhiệm và giải quyết mọi nan đề. Những ai đã không muốn tiếp nhận ánh sáng và bước đi trong ánh sáng sẽ không thể hiểu được sự mâu nhiệm của sự tin kính, nhưng những người không ngần ngại vác thập tự giá và theo Chúa Giê-xu sẽ thấy ánh sáng trong ánh sáng của Đức Chúa Trời.” The Southern Watchman, ngày 4 tháng 4, 1905.

“Giáo lý về Nhập Thể” cũng được gọi là “mâu nhiệm của sự tin kính.”

Và không chối cãi gì nữa, mâu nhiệm của sự tin kính thật là lớn: Đức Chúa Trời đã hiện ra trong xác thịt, được xưng công bình trong Thánh Linh, được các thiên sứ thấy, được rao giảng cho các dân ngoại, được tin trong thế gian, được cất lên trong vinh hiển. 1 Ti-mô-thê 3:16.

“Mâu nhiệm” ấy được giấu kín cho đến thế hệ sau rốt, khi các tín hữu trung tín nhận ra rằng tín điều Nhập Thể là Ômêga của ngày Sa-bát thứ bảy.

Chính là mâu nhiệm đã được giấu kín từ các thời đại và từ các thế hệ, nhưng nay đã được bày tỏ cho các thánh đồ của Ngài: Đối với họ, Đức Chúa Trời đã muốn cho biết sự giàu có của vinh hiển của mâu nhiệm này ở giữa các dân ngoại là gì; ấy là Đấng Christ ở trong anh em, sự trông

cậy về vinh hiển. Cô-lô-se 1:26, 27.

Thật thích đáng rằng chính Cô-lô-se 1:26 nói về một “sự mầu nhiệm” đã “được giấu kín”, nhưng sự mầu nhiệm ấy “được bày tỏ” trong những ngày sau rốt. Ánh sáng tiên tri được bày tỏ khi lời tiên tri được mở ần, như được minh họa trong Đa-ni-ên chương mười hai, nơi mà vào cuối 1.260 ngày, tức là vào thời kỳ cuối cùng, một lời tiên tri được mở ần. Lời tiên tri đã bị giấu kín qua nhiều thế hệ được mở ần, và lời tiên tri ấy là lẽ thật, mà khi được mở ần, là “vinh hiển” được bày tỏ cho các dân Ngoại vào thời điểm đạo luật Chủ nhật. Sự mầu nhiệm ấy là Đấng Christ ở trong anh em, niềm hy vọng của vinh hiển, điều này được thành tựu trong những ngày tiếng kèn thứ bảy vang lên.

Nhưng trong những ngày tiếng của thiên sứ thứ bảy vang lên, khi người bắt đầu thổi kèn, thì sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời sẽ được hoàn tất, như Ngài đã rao truyền cho các đầy tớ Ngài là các tiên tri. Khải Huyền 10:7.

Thật là phải lẽ rằng tiếng của thiên sứ thứ bảy bắt đầu vang lên vào ngày thứ mười của tháng thứ bảy, như được trình bày trong Khải Huyền 10:7. Thiên sứ thứ bảy cũng được biểu trưng là tai họa thứ ba, và hai tai họa đầu tiên là Hồi giáo, như vậy có hai chứng nhân rằng tai họa thứ ba là Hồi giáo. Mầu nhiệm của Đức Chúa Trời được hoàn tất khi tiếng kèn của Hồi giáo vang lên.

Trong lịch sử của tiếng kèn thứ bảy, giáo lý về sự nhập thể, tức mầu nhiệm “Đấng Christ ở trong anh em”, hay sự kết hợp giữa Thần tính và nhân tính, như được biểu hiện nơi Đấng Christ khi Ngài mang lấy xác thịt loài người; những ứng viên để ở trong số một trăm bốn mươi bốn nghìn sẽ được thử luyện xem họ có dầu và đức tin cần thiết để bước vào Nơi Chí Thánh hay không. Nếu họ do dự, bóng tối sẽ giáng trên họ; nếu họ theo Chiên Con bất cứ nơi nào Ngài đi, họ sẽ được dẫn dắt để nhìn vào Hòm Bia. Trong Hòm Bia, họ sẽ tìm thấy các giáo lý về Sa-bát ngày thứ bảy và giáo lý về sự nhập thể.

Dù hai giáo lý này quan trọng đến đâu, điều tôi tập trung không phải là những ánh sáng Anpha và Ômega, nhưng là ở chỗ nữ ngôn sứ đã minh họa việc dân của Thiên Chúa bước vào đền thánh trên trời và nhìn vào Hòm Bia Giao Ước. Phải có một thời điểm trong lịch sử của một trăm bốn mươi bốn nghìn người, vào những ngày sau rốt, khi một trăm bốn mươi bốn nghìn người được đưa vào Nơi Chí Thánh để chiêm ngưỡng Hòm Bia Giao Ước đã được mở ra.

Nếu quý vị có đức tin để tin rằng các đấng tiên tri minh họa về dân của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt, cùng với đức tin rằng Bà White được linh cảm, về mọi phương diện, cũng như mọi nhà tiên tri khác trong Kinh Thánh, thì sự áp dụng mà tôi vừa nêu phải được chấp nhận là chân thật. Một trăm bốn mươi bốn ngàn phải bởi đức tin mà theo Đấng Christ vào Nơi Chí Thánh, như Bà White nói rằng những người trung tín đã làm vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Bấy giờ có hai hạng người được tỏ ra: những kẻ từ chối bước vào bằng đức tin, và những người đã bước vào.

Tôi được chỉ cho nhìn lại lời rao báo về sự giáng lâm lần thứ nhất của Đấng Christ. Giảng được sai đến trong tâm thần và quyền năng của Ê-li để dọn đường cho Chúa Giê-su. Những ai khước từ lời chứng của Giảng đã không nhận được ích lợi từ sự dạy dỗ của Chúa Giê-su. Sự chống đối của họ đối với sứ điệp báo trước sự đến của Ngài đã đặt họ vào chỗ không thể dễ dàng tiếp nhận những bằng chứng mạnh mẽ nhất rằng Ngài là Đấng Mê-si-a. Sa-tan đã dẫn dắt những kẻ khước từ sứ điệp của Giảng đi xa hơn nữa, để khước từ và đóng đinh Đấng Christ. Khi làm

điều đó, họ tự đặt mình vào tình trạng không thể nhận lãnh phước lành trong ngày Lễ Ngũ Tuần, điều lẽ ra đã dạy họ con đường vào đền thánh trên trời. Sự xé đôi bức màn của đền thờ cho thấy rằng các sinh tế và nghi lễ của người Do Thái sẽ không còn được chấp nhận nữa. Sinh tế vĩ đại đã được dâng và đã được chấp nhận, và Đức Thánh Linh giáng xuống trong ngày Lễ Ngũ Tuần đã đem tâm trí các môn đồ từ đền thánh dưới đất đến đền thánh trên trời, nơi Chúa Giê-su đã bước vào bởi chính huyết Ngài, để tuôn đổ trên các môn đồ những ân phước của sự chuộc tội Ngài. Nhưng người Do Thái bị bỏ lại trong bóng tối hoàn toàn. Họ đánh mất tất cả ánh sáng mà lẽ ra họ có thể có về kế hoạch cứu rỗi, và vẫn tin cậy nơi các sinh tế và của lễ vô ích của họ. Đền thánh trên trời đã thay thế đền thánh dưới đất, thế mà họ không hề biết về sự thay đổi ấy. Vì vậy, họ không thể được hưởng ích lợi từ sự trung bảo của Đấng Christ trong nơi thánh.

Nhiều người kinh hãi khi nhìn vào cách người Do Thái khước từ và đóng đinh Đấng Christ; và khi đọc lịch sử về những sự lằng nhục đáng hổ thẹn mà Ngài phải chịu, họ nghĩ rằng mình yêu mến Ngài, và rằng họ đã chẳng chối Ngài như Phi-e-rơ, cũng chẳng đóng đinh Ngài như người Do Thái. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng đọc thấu lòng mọi người, đã đem tình yêu dành cho Chúa Giê-su mà họ xưng nhận ra thử thách. Cả thiên đàng với mối quan tâm sâu xa nhất đã theo dõi việc tiếp nhận sứ điệp của thiên sứ thứ nhất. Nhưng nhiều người xưng nhận yêu mến Chúa Giê-su, và rơi lệ khi đọc câu chuyện về thập tự giá, lại chế giễu tin mừng về sự tái lâm của Ngài. Thay vì vui mừng tiếp nhận sứ điệp ấy, họ tuyên bố đó là một sự mê lầm. Họ ghét những người yêu mến sự tái lâm của Ngài và đuổi họ ra khỏi các hội thánh. Những kẻ khước từ sứ điệp thứ nhất thì không thể nhận được ích lợi từ sứ điệp thứ hai; họ cũng không được ích lợi từ tiếng kêu nửa đêm, vốn nhằm chuẩn bị họ bằng đức tin để cùng với Chúa Giê-su bước vào nơi chí thánh của đền thánh trên trời. Và bằng cách khước từ hai sứ điệp trước, họ đã làm tối tăm sự hiểu biết của mình đến nỗi không thấy chút ánh sáng nào trong sứ điệp của thiên sứ thứ ba, sứ điệp chỉ ra con đường vào nơi chí thánh. Tôi thấy rằng cũng như người Do Thái đã đóng đinh Chúa Giê-su, các hội thánh danh nghĩa đã đóng đinh những sứ điệp này; bởi đó họ không biết con đường vào nơi chí thánh, và họ không thể nhận được ích lợi từ sự cầu thay của Chúa Giê-su tại đó. Cũng như người Do Thái dâng những của lễ vô ích, họ dâng những lời cầu nguyện vô ích hướng về ngấn mà Chúa Giê-su đã rời bỏ; và Sa-tan, hài lòng với sự lừa dối ấy, khoác lấy bộ dạng tôn giáo và lôi kéo tâm trí của những Cơ Đốc nhân xưng nhận này về phía hắn, hoạt động bằng quyền năng của hắn, các dấu lạ và phép lạ dối trá của hắn, để ghim chặt họ trong cạm bẫy của hắn. *Early Writings, 259-261.*

Bà White xác định tiến trình thử nghiệm tiệm tiến trong lịch sử của Giảng Báp-tít và của Đấng Christ, một tiến trình kết thúc với việc người Do Thái rơi vào sự tối tăm hoàn toàn, nhằm minh họa cùng một lịch sử ấy trong thời của những người theo Miller, tức lịch sử alpha của Bà White, nữ tiên tri xưa của thời kỳ sau rốt. Bài thử thách sống hay chết lúc ban đầu là việc có bước vào Nơi Chí Thánh hay từ chối không bước vào. Việc từ chối như thế đã gây nên cùng một sự tối tăm trên những kẻ phản nghịch trong lịch sử của phong trào Miller như đã giáng trên những người Do Thái phản nghịch trong lịch sử của Đấng Christ.

Đức Chúa Giê-su luôn dùng phần khởi đầu của một điều để minh họa phần kết thúc của điều ấy; vì vậy, khi Bà White được đưa vào Nơi Chí Thánh và chiêm ngắm hòm bia giao ước đang mở, trong mối liên hệ với cuộc thử thách ngày 22 tháng 10 năm 1844, điều ấy xác định rằng một trăm bốn

mười bốn nghìn sẽ bị thử thách ở điểm: hoặc theo Chiên Con vào Nơi Chí Thánh, hoặc đi vào bóng tối vĩnh cửu tuyệt đối. Sự kiện này đặt nền trên một đức tin nhận thức rằng các tiên tri xưa, khi chính họ trở thành một phần của lời chứng đã được ghi chép, thì đang minh họa cho dân sự thời sau rốt của Đức Chúa Trời. Bà White minh họa cả hai hạng người.

Trong lúc đang tuyệt vọng như vậy, tôi mơ một giấc mơ đã để lại ấn tượng sâu sắc trong tâm trí tôi. Tôi mơ thấy một ngôi đền, nơi nhiều người đang đổ xô đến. Chỉ những ai tìm nơi ẩn náu trong ngôi đền ấy mới được cứu khi thời gian chấm dứt. Tất cả những ai ở lại bên ngoài sẽ vĩnh viễn hư mất. Đám đông ở bên ngoài, mỗi người theo lối của mình, chế giễu và nhạo báng những người đang bước vào đền, và nói với họ rằng kế hoạch an toàn này là một mưu mẹo lừa dối xảo quyệt, rằng thực ra chẳng có bất kỳ mối nguy hiểm nào cần tránh cả. Họ thậm chí còn túm lấy một vài người để ngăn họ vội vã vào bên trong những bức tường.

Sợ bị chê cười, tôi nghĩ tốt nhất là đợi đến khi đám đông tản đi, hoặc cho đến khi tôi có thể vào mà không bị họ để ý. Nhưng số người lại tăng lên thay vì rơi bớt, và sợ rằng sẽ quá muộn, tôi vội vã rời nhà và chen qua đám đông. Vì nóng lòng muốn tới đền, tôi không để ý cũng chẳng bận tâm đến đám người vây quanh. Khi bước vào trong, tôi thấy ngôi đền rộng lớn được chống đỡ bởi một cây cột khổng lồ duy nhất, và vào cột ấy người ta trói một con chiên bị xé nát, đang đổ máu. Chúng tôi, những người có mặt, dường như đều biết rằng con chiên ấy đã bị xé nát và bầm dập vì chúng tôi. Tất cả những ai vào đền đều phải đến trước con chiên ấy và xưng thú tội lỗi của mình.

Ngay phía trước con chiên có những chỗ ngồi được nâng cao, trên đó có một đoàn người ngồi trông rất hạnh phúc. Ánh sáng thiên đàng dường như chiếu rọi trên khuôn mặt họ, và họ ngợi khen Đức Chúa Trời và hát những bài ca tạ ơn hân hoan, nghe như âm nhạc của các thiên sứ. Đó là những người đã đến trước con chiên, xưng thú tội lỗi mình, nhận được sự tha thứ, và giờ đang chờ đợi trong niềm hân hoan một sự kiện vui mừng nào đó.

Ngay cả sau khi tôi đã bước vào tòa nhà, một nỗi sợ hãi bao trùm tôi, cùng với một cảm thức hồ thẹn rằng tôi phải hạ mình trước những người này. Nhưng tôi dường như bị thôi thúc phải tiến lên, và đang chậm rãi đi vòng quanh cột trụ để đối diện với con chiên, thì một tiếng kèn vang lên, đèn thờ rung chuyển, tiếng reo mừng khải hoàn dấy lên từ các thánh đã tụ họp, một ánh sáng rực rỡ khấp khiếp chiếu rọi khắp tòa nhà, rồi mọi sự chìm vào bóng tối dày đặc. Những người vui mừng ấy đều đã biến mất cùng với ánh sáng rực rỡ, và tôi bị bỏ lại một mình trong nỗi kinh hoàng im lặng của đêm. Tôi tỉnh dậy trong nỗi thống khổ của tâm trí và hầu như không thể tự thuyết phục mình rằng tôi đã mơ. Dường như với tôi, án phạt của tôi đã được ấn định, rằng Thần Khí của Chúa đã lia bỏ tôi, không bao giờ trở lại.

Ít lâu sau đó, tôi lại có một giấc mộng khác. Tôi dường như đang ngồi trong nỗi tuyệt vọng cùng cực, hai tay ôm mặt, ngẫm nghĩ như sau: Nếu Chúa Giêsu còn ở trần gian, tôi sẽ đến với Ngài, phủ phục dưới chân Ngài, và tỏ bày với Ngài mọi nỗi khổ đau của tôi. Ngài sẽ không khước từ tôi, Ngài sẽ đoái thương tôi, và tôi sẽ yêu mến và phụng sự Ngài luôn mãi. Đúng lúc ấy, cửa mở ra, và một người có dáng dấp và dung mạo tuyệt mỹ bước vào. Người nhìn tôi với ánh mắt xót thương và nói: 'Người có ước muốn được thấy Chúa Giêsu chăng? Ngài đang ở đây, và người có thể thấy Ngài nếu người ước muốn. Hãy đem theo tất cả những gì người có và theo ta.'

Tôi nghe điều ấy với niềm vui khôn tả, liền hân hoan thu góp hết mọi vật sở hữu nhỏ bé của mình, từng món kỹ vật quý giá, và đi theo người hướng dẫn của tôi. Ông dẫn tôi đến một cầu thang dốc, trông có vẻ mong manh. Khi tôi bắt đầu bước lên các bậc thang, ông căn dặn tôi hãy luôn hướng mắt lên trên, kéo tôi choáng váng mà ngã. Nhiều người khác đang trèo lên con dốc đứng ấy đã ngã trước khi lên đến đỉnh.

Cuối cùng, chúng tôi đến bậc thang cuối cùng và đứng trước một cánh cửa. Tại đây, người hướng dẫn của tôi bảo tôi để lại hết thảy những gì tôi đã mang theo. Tôi hân hoan đặt chúng xuống; rồi ông mở cửa và mời tôi bước vào. Chỉ trong chốc lát, tôi đã đứng trước mặt Chúa Giê-su. Không thể làm lẫn dung nhan tuyệt mỹ ấy. Về từ ái và uy nghiêm ấy không thể thuộc về ai khác. Khi ánh mắt Ngài dừng lại trên tôi, tôi liền biết rằng Ngài thấu biết mọi cảnh ngộ trong đời tôi cùng hết thảy những ý tưởng và tâm tư sâu kín của tôi.

Tôi cố che mình khỏi ánh nhìn của Ngài, cảm thấy không thể chịu đựng nỗi đôi mắt thấu suốt của Ngài; nhưng Ngài mỉm cười đến gần, đặt tay Ngài trên đầu tôi và phán: “Đừng sợ.” Tiếng nói êm dịu của Ngài khiến lòng tôi rung động bởi một niềm hạnh phúc mà trước đây chưa từng kinh nghiệm. Tôi vui mừng đến nỗi không thốt nên lời, nhưng, tràn ngập xúc động, tôi phủ phục dưới chân Ngài. Khi tôi đang nằm bất lực ở đó, những cảnh tượng đẹp đẽ và vinh hiển lướt qua trước mắt tôi, và tôi dường như đã bước vào sự an toàn và bình an của thiên đàng. Sau cùng, sức lực tôi trở lại, và tôi đứng dậy. Đôi mắt yêu thương của Đức Chúa Giê-xu vẫn nhìn tôi, và nụ cười của Ngài làm linh hồn tôi tràn đầy hoan lạc. Sự hiện diện của Ngài khiến tôi tràn ngập lòng kính sợ thánh khiết và một tình yêu không thể diễn tả.

Người hướng dẫn của tôi lúc này mở cửa, và chúng tôi cùng bước ra ngoài. Ông bảo tôi lấy lại tất cả những vật tôi đã để ở bên ngoài. Việc đó xong, ông trao cho tôi một sợi dây màu xanh lục được cuộn chặt. Ông chỉ bảo tôi đặt sợi dây ấy sát trái tim mình, và khi tôi mong muốn được thấy Đức Chúa Giê-su, thì lấy nó từ lòng áo ra và kéo căng hết mức. Ông dặn tôi đừng để nó ở trong tình trạng cuộn lại lâu, kéo nó bị thắt nút và khó duỗi thẳng. Tôi đặt sợi dây gần trái tim và hân hoan bước xuống những bậc thang hẹp, ngợi khen Đức Chúa Trời và nói cho mọi người tôi gặp biết nơi họ có thể tìm thấy Đức Chúa Giê-su. Giấc mơ này ban cho tôi hy vọng. Trong tâm trí tôi, sợi dây xanh lục ấy tượng trưng cho đức tin, và vẻ đẹp cùng sự đơn sơ của việc tin cậy nơi Đức Chúa Trời bắt đầu lộ rạng trong linh hồn tôi. Lời Chứng, tập 1, 27–29.

Từ khi kết thúc đại hội trại Exeter vào ngày 17 tháng Tám cho đến ngày 22 tháng Mười năm 1844 là sáu mươi sáu ngày. Sáu mươi sáu ngày ấy tượng trưng cho thời kỳ công bố Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm; và trong bối cảnh dụ ngôn mười trinh nữ, những người bấy giờ đã công bố sứ điệp ấy tượng trưng cho những kẻ có dầu, còn những kẻ bấy giờ không công bố sứ điệp thì không có dầu.

Trong dụ ngôn, hôn lễ diễn ra vào lúc khởi đầu thời kỳ chờ đợi. Hôn phối hợp pháp đã được cử hành, rồi mọi người trở về nhà và chờ đợi cho đến khi thân phụ của chú rể quyết định liệu có chấp thuận cho hôn phối được hoàn hợp hay không. Sự bất trung trong khoảng giữa hôn lễ thứ nhất và nghi thức thứ hai lúc nửa đêm bị coi là ngoại tình. Thời kỳ chờ đợi dựa trên việc thân phụ của chú rể đợi xem điều gì đã xảy ra với cô dâu trong một khoảng thời gian. Cô dâu có mang thai không?

Khi người cha quyết định rằng mọi sự đã ổn thỏa, đoàn rước lúc nửa đêm khởi hành; và nó diễn ra vào ban đêm để tránh cái nóng bức ngột ngạt ban ngày của Pa-lét-tin. Vì lẽ đó, các trinh nữ trong

dụ ngôn, tức những người hầu cận của cô dâu, được yêu cầu phải có đèn riêng và phần dầu dự trữ của mình, chờ tiếng kêu lúc nửa đêm loan báo rằng đoàn rước tiến về tiệc cưới đã khởi hành, vì lễ cưới được cử hành vào ban đêm. Tại Exeter, tiếng kêu lúc nửa đêm đã vang lên, và hoặc là quý vị đã có đủ dầu sẵn sàng cho đoàn rước, hoặc là không.

Khi họ rời Exeter mang theo sứ điệp ấy, họ đang minh họa một dân sự đã được đóng ấn. Một số có đủ dầu để vào dự tiệc cưới ngày 22 tháng 10 năm 1844, còn một số thì không. Sáu mươi sáu ngày ấy tượng trưng cho một giai đoạn khi dân sự của Đức Chúa Trời được đóng ấn cho đến khi cánh cửa của luật ngày Chủ nhật đóng lại. Nếu họ có lượng dầu cần thiết, họ đã bước vào Nơi Chí Thánh bằng đức tin. Bà White đã minh họa việc dân sự của Đức Chúa Trời bước vào Nơi Chí Thánh trong những ngày sau rốt, và trong lịch sử alpha của bà, đó là một thử thách sống chết gắn liền với việc bước vào Nơi Chí Thánh bằng đức tin. Trong những ngày sau rốt, một trăm bốn mươi bốn nghìn sẽ bị thử nghiệm xem họ có bước vào Nơi Chí Thánh bằng đức tin hay không. Đó lại là một thử thách sống chết.

Chúng ta sẽ tiếp tục những nội dung này trong bài viết tiếp theo.

Trong việc thanh tẩy đền thờ, Đức Giêsu đã công bố sứ mệnh của Người như là Đấng Mê-sia, và khởi sự công cuộc của Người. Đền thờ ấy, được dựng nên làm nơi ngự của Sự Hiện Diện của Thiên Chúa, được định liệu như một bài học minh họa cho Israel và cho thế giới. Từ đời đời, Thiên Chúa đã chủ định rằng mọi thụ tạo, từ các Sêraphim rạng ngời thánh thiện cho đến loài người, phải là đền thờ cho Đấng Tạo Hóa ngự. Vì tội lỗi, nhân loại đã thôi không còn là đền thờ cho Thiên Chúa nữa. Bị điều ác làm tối tăm và ô uế, tâm hồn con người không còn tỏ bày vinh quang của Đấng Thiêng Liêng. Nhưng nhờ việc Con Thiên Chúa nhập thể, mục đích của Trời được nên trọn. Thiên Chúa cư ngụ trong nhân loại, và nhờ ân sủng cứu độ, tâm hồn con người lại trở nên đền thờ của Ngài. Thiên Chúa đã định liệu để đền thờ tại Giêrusalem trở nên chứng tá liên li về vận mệnh cao cả được mở ra cho mọi linh hồn. Nhưng người Do Thái đã không hiểu ý nghĩa của ngôi đền mà họ hãnh diện đến thế. Họ đã không hiến dâng chính mình như những đền thờ thánh cho Thần Khí Thiên Chúa. Các sân đền thờ tại Giêrusalem, đầy áp sự náo động của việc buôn bán phạm tục, đã phản chiếu một cách quá đỗi chân thực đền thờ của tâm hồn, vốn bị ô nhiễm bởi sự hiện diện của dục vọng xác thịt và những tư tưởng bất khiết.

Khi thanh tẩy đền thờ khỏi những kẻ mua bán của thế gian, Đức Chúa Giê-xu tuyên bố sứ mạng của Ngài là thanh tẩy tâm lòng khỏi sự ô uế của tội lỗi—khỏi những ham muốn trần tục, những dục vọng ích kỷ, những thói quen xấu xa làm bại hoại linh hồn. Ma-la-chi 3:1-3 được trích dẫn. Khát vọng của các thời đại, 161.

Nhà tiên tri nói, 'Tôi thấy một thiên sứ khác từ trời xuống, có quyền năng lớn; và đất được chiếu sáng bởi vinh quang của người. Người kêu lớn tiếng một cách mạnh mẽ, rằng: Babylon lớn đã sụp đổ, đã sụp đổ, và đã trở nên chỗ ở của ma quỷ' (Revelation 18:1, 2). Đây là cùng một sứ điệp đã được thiên sứ thứ hai rao ra. Babylon đã sụp đổ, 'vì nàng đã làm cho mọi dân uống rượu thịnh nộ của sự tà dâm của nàng' (Revelation 14:8). Rượu ấy là gì?—Những giáo lý giả dối của nàng. Nàng đã đem đến cho thế gian một ngày Sa-bát giả thay cho ngày Sa-bát của điều răn thứ tư, và đã lặp lại điều dối trá mà Sa-tan trước hết nói với Ê-va trong Ê-đen—sự bất

tử tự nhiên của linh hồn. Nhiều sai lầm cùng loại khác nàg đã truyền bá khắp nơi, 'lấy điều răn của loài người làm giáo lý mà dạy' (Matthew 15:9).

"Khi Chúa Giê-su bắt đầu chức vụ công khai của Ngài, Ngài đã thanh tẩy Đền Thờ khỏi sự ô uế phạm thánh. Một trong những việc làm sau cùng của chức vụ Ngài là lần thanh tẩy Đền Thờ thứ hai. Vậy, trong công tác sau cùng để cảnh báo thế gian, có hai lời kêu gọi riêng biệt được gửi đến các hội thánh. Sứ điệp của thiên sứ thứ hai là: 'Ba-by-lôn đã sụp đổ, đã sụp đổ, thành lớn kia, vì nó đã khiến muôn dân uống rượu của cơn thịnh nộ do sự tà dâm của nó' (Khải Huyền 14:8). Và trong tiếng kêu lớn của sứ điệp thiên sứ thứ ba, có một tiếng từ trời phán rằng: 'Hỡi dân Ta, hãy ra khỏi nó, để các ngươi đừng dưng phần vào tội lỗi của nó, và đừng nhận lấy các tai vạ của nó. Vì tội lỗi của nó đã lên đến tận trời, và Đức Chúa Trời đã nhớ lại những gian ác của nó' (Khải Huyền 18:4, 5)." Selected Messages, quyển 2, trang 118.